

Số *13* /2015/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày *25* tháng *3* năm 2015

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn trình tự, thủ tục công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới
ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

CỤC CHĂN NUÔI

CÔNG VĂN BẢN

Số: *839*
Ngày: *7* tháng *4* năm *2015*


Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13;

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn trình tự, thủ tục công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

*Ký hiệu
- Cho web của Cục*



Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn trình tự, thủ tục công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới áp dụng cho ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thông tư này không điều chỉnh các nội dung sau:

- a) Việc công nhận giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản;
- b) Việc khảo nghiệm, thử nghiệm, đăng ký lưu hành vật tư nông nghiệp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới (sau đây viết tắt là tiến bộ kỹ thuật)* là sản phẩm tạo ra từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp ứng dụng.

Tiến bộ kỹ thuật phải đáp ứng quy định tại Điều 6 của Thông tư này và do cơ quan có thẩm quyền công nhận.

2. Hội đồng Khoa học công nghệ cơ sở là Hội đồng do tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân và năng lực chuyên môn phù hợp thành lập.

3. Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật là Tổng cục, Cục thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, xem xét công nhận tiến bộ kỹ thuật theo lĩnh vực được phân công quản lý.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật được công nhận

1. Quyền của tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật được công nhận

a) Được quảng cáo, công bố và chuyển giao kết quả áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất theo quy định của pháp luật;

b) Khiếu nại, tố cáo về các hành vi vi phạm về quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật;

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật được công nhận

a) Chịu trách nhiệm về xuất xứ và các tài liệu liên quan của tiến bộ kỹ thuật;

b) Có quy trình hướng dẫn kỹ thuật và văn bản báo cáo địa phương nơi triển khai thực hiện tiến bộ kỹ thuật biết để phối hợp quản lý, theo dõi;

c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, CÔNG NHẬN VÀ HỦY BỎ TIẾN BỘ KỸ THUẬT

Điều 5. Căn cứ công nhận tiến bộ kỹ thuật

Việc công nhận tiến bộ kỹ thuật dựa vào 1 trong 2 căn cứ sau:

1. Sản phẩm hoặc một phần sản phẩm tạo ra từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được đánh giá, nghiệm thu từ mức đạt trở lên.

2. Giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp ứng dụng.

Điều 6. Điều kiện công nhận tiến bộ kỹ thuật

1. Đối với tiến bộ kỹ thuật tạo ra công nghệ, giải pháp mới phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có tính mới, tính sáng tạo, tính ổn định và cạnh tranh cao;

b) Sản phẩm phải được chứng nhận chất lượng đạt yêu cầu, giảm thiểu tác động đến môi trường, khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên, có triển vọng mở rộng sản xuất, góp phần ổn định an sinh xã hội.

2. Đối với tiến bộ kỹ thuật tạo ra công nghệ, sản phẩm nhằm cạnh tranh hoặc thay thế sản phẩm tương tự đã có được công nhận trong thời gian gần nhất, ngoài quy định tại khoản 1 Điều này còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tiết kiệm tối thiểu 5% chi phí sản xuất;

b) Năng suất vượt trên 10%.

Điều 7. Trình tự, thủ tục đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật. Hồ sơ phải được niêm phong, ghi rõ địa chỉ.

2. Hồ sơ đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật gồm:

a) Đơn đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật (*Mẫu 1 ban hành kèm theo Thông tư này*);

b) Báo cáo kết quả thực hiện tiến bộ kỹ thuật (*Mẫu 2 ban hành kèm theo Thông tư này*);

c) Nhận xét, đánh giá của các tổ chức, cá nhân áp dụng tiến bộ kỹ thuật (đối với nhận xét, đánh giá của cá nhân phải có xác nhận chữ ký người nhận xét của cấp có thẩm quyền tại địa phương) và biên bản thẩm định, đánh giá hiện trường (nếu có) (*Mẫu 3a và Mẫu 3b ban hành kèm theo Thông tư này*);

d) Tài liệu họp Hội đồng khoa học công nghệ cấp cơ sở đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật (*Mẫu 4, Mẫu 5a (hoặc Mẫu 5b), Mẫu 6, Mẫu 7a ban hành kèm theo Thông tư này*) và văn bản giải trình các ý kiến đóng góp của Hội đồng.

3. Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật kiểm tra, kết luận hồ sơ (*Mẫu 4 ban hành kèm theo Thông tư này*) và thông báo bằng văn bản về tính hợp lệ của hồ sơ đến tổ chức, cá nhân đăng ký.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày gửi thông báo, tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi về Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Trong vòng 10 (mười) ngày, sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật ban hành quyết định thành lập Hội đồng tư vấn công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Điều 8. Thẩm định tiến bộ kỹ thuật

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định thành lập Hội đồng hoặc Tổ chuyên gia, Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật tổ chức họp thẩm định tiến bộ kỹ thuật.

Thẩm định tiến bộ kỹ thuật thực hiện theo một trong hai hình thức:

1. Hội đồng tư vấn công nhận tiến bộ kỹ thuật (sau đây gọi là Hội đồng)

Hội đồng có 07 (bảy) hoặc 09 (chín) thành viên gồm: chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký, 02 (hai) ủy viên phản biện và các ủy viên, trong đó:

a) Chủ tịch (là lãnh đạo cơ quan) và thư ký khoa học của Hội đồng thuộc Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật;

- b) Một (01) thành viên đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- c) Một (01) thành viên đại diện tổ chức, địa phương nơi ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

Ngoài các thành viên Hội đồng, Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật cử 01 (một) thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức phiên họp Hội đồng.

Phiên họp Hội đồng được tổ chức khi có ít nhất 2/3 trong tổng số thành viên, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được ủy quyền, 02 ủy viên phân biện và ủy viên thư ký khoa học.

2. Tổ chuyên gia tư vấn công nhận tiến bộ kỹ thuật (sau đây gọi là Tổ chuyên gia)

Tổ chuyên gia có 03 (ba) hoặc 05 (năm) thành viên, gồm: Tổ trưởng, thư ký và các ủy viên. Tổ trưởng (là lãnh đạo cơ quan) và thư ký thuộc Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật.

3. Các thành viên khác của Hội đồng hoặc Tổ chuyên gia là người am hiểu về lĩnh vực liên quan đến tiến bộ kỹ thuật đề nghị công nhận.

Kết luận của Hội đồng hoặc Tổ chuyên gia được thống nhất khi có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt tán thành.

Trong trường hợp cần thiết Hội đồng hoặc Tổ chuyên gia đề nghị Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật thành lập đoàn để thẩm định, đánh giá hiện trường áp dụng tiến bộ kỹ thuật. Biên bản thẩm định, đánh giá theo Mẫu 3b ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Những trường hợp không được tham gia Hội đồng, Tổ chuyên gia:

- a) Tác giả, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện có tên trong tiến bộ kỹ thuật;
- b) Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;
- c) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của tác giả, thành viên chính tham gia thực hiện tiến bộ kỹ thuật hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác;
- d) Người có bằng chứng xung đột lợi ích với tổ chức hoặc tác giả tiến bộ kỹ thuật.

5. Trình tự làm việc của Hội đồng

- a) Chủ tịch Hội đồng thống nhất và thông qua nội dung làm việc;
- b) Hội đồng cử 03 thành viên vào ban kiểm phiếu, trong đó có một trưởng ban;
- c) Đại diện tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật trình bày báo cáo kết quả thực hiện tiến bộ kỹ thuật theo quy định tại Mẫu 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Thành viên hội đồng nêu câu hỏi về kết quả và các vấn đề liên quan đến tiến bộ kỹ thuật. Đại diện tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật trả lời các câu hỏi (nếu có);

đ) Phản biện đọc nhận xét;

e) Hội đồng thảo luận và đánh giá tiến bộ kỹ thuật theo Mẫu 5a (hoặc Mẫu 5b) và Mẫu 6 ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Chủ tịch Hội đồng kết luận cuộc họp;

h) Thư ký Hội đồng thông qua biên bản theo Mẫu 7a ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Trình tự làm việc của Tổ chuyên gia

a) Tổ trưởng Tổ chuyên gia thống nhất và thông qua nội dung làm việc;

b) Tổ chuyên gia nêu câu hỏi về các vấn đề liên quan đến tiến bộ kỹ thuật. Đại diện tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật trả lời các câu hỏi (nếu có);

c) Tổ chuyên gia thảo luận và đánh giá tiến bộ kỹ thuật theo Mẫu 5a (hoặc Mẫu 5b) và Mẫu 6 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Tổ trưởng Tổ chuyên gia kết luận, thư ký Tổ thông qua biên bản theo Mẫu 7b ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Đánh giá, công nhận tiến bộ kỹ thuật

1. Sau phiên họp chính thức, tối đa không quá 05 (năm) ngày làm việc, Hội đồng, Tổ chuyên gia có trách nhiệm chuyên toàn bộ Hồ sơ đánh giá và các tài liệu liên quan cho Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Trường hợp thống nhất với kết luận của Hội đồng hoặc Tổ chuyên gia, Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật trong vòng 05 (năm) ngày làm việc.

Trường hợp không thống nhất với kết luận của Hội đồng hoặc Tổ chuyên gia, Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật xem xét và tự quyết định sau 05 (năm) ngày làm việc.

2. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng, gửi về Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật.

3. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đã hoàn thiện, Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật kiểm tra và chuyển hồ sơ về Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để cấp mã hiệu, số hiệu theo quy định tại Điều 10 Thông tư này. Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc sau khi nhận được văn bản cấp mã hiệu, số hiệu, Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật ban hành Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Điều 10. Quy định về mã hiệu, số hiệu tiến bộ kỹ thuật

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quản lý và cấp mã hiệu, số hiệu tiến bộ kỹ thuật trong vòng 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ do Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật chuyên đến.

1. Hồ sơ cấp mã hiệu, số hiệu bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp mã hiệu, số hiệu tiến bộ kỹ thuật của Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật.

b) Hồ sơ tiến bộ kỹ thuật đã hoàn thiện bổ sung ý kiến kết luận của Hội đồng hoặc Tổ chuyên gia thông qua. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này;

2. Mã hiệu, số hiệu tiến bộ kỹ thuật: TBKT xx-zz : yyyy/BNNPTNT

Trong đó:

- TBKT là chữ viết tắt tiến bộ kỹ thuật.

- xx là mã hiệu theo lĩnh vực: 01 là lĩnh vực Nông nghiệp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi thú y, cơ điện và công nghệ sau thu hoạch); 02 là lĩnh vực Lâm nghiệp; 03 là lĩnh vực Thủy sản; 04 là lĩnh vực Thủy lợi;

- zz là số của tiến bộ kỹ thuật.

Giữa mã hiệu theo lĩnh vực và số hiệu tiến bộ kỹ thuật được phân cách bằng dấu gạch ngang (-).

- yyyy là năm ban hành tiến bộ kỹ thuật. Giữa số của tiến bộ kỹ thuật và năm ban hành được phân cách bằng dấu hai chấm (:).

- BNNPTNT là chữ viết tắt tên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đặt sau năm ban hành (yyyy) và được phân cách bằng dấu gạch chéo (/).

Điều 11. Huỷ bỏ quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật

1. Hàng năm Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức rà soát và huỷ bỏ các tiến bộ kỹ thuật quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tiến bộ kỹ thuật bị huỷ bỏ thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tiến bộ kỹ thuật áp dụng trong thực tế không đáp ứng được các tiêu chí quy định tại Điều 6 Thông tư này.

b) Quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này.

Điều 12. Gia hạn hiệu lực tiến bộ kỹ thuật

1. Thời hạn hiệu lực của Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật không quá 05 (năm) năm. Sau thời hạn trên, nếu tiến bộ kỹ thuật vẫn còn giá trị áp dụng, tổ chức, cá nhân làm thủ tục đề nghị gia hạn.

2. Đơn đề nghị gia hạn hiệu lực tiến bộ kỹ thuật quy định tại Mẫu 8 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trong vòng 10 (mười) ngày nhận đơn, Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật tổ chức thẩm định đơn và ra quyết định gia hạn hiệu lực của tiến bộ kỹ thuật. Thủ tục thẩm định và quyết định gia hạn thực hiện tiến bộ kỹ thuật theo quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều 8 Thông tư này.

4. Hiệu lực của Quyết định gia hạn tiến bộ kỹ thuật không quá 05 (năm) năm. Tiến bộ kỹ thuật chỉ được gia hạn 01 (một) lần.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường:

a) Đầu mối thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ, chủ trì tham mưu, hướng dẫn, giám sát, cấp mã hiệu, số hiệu và tổng hợp báo cáo Bộ trưởng về các hoạt động quản lý và công nhận tiến bộ kỹ thuật.

b) Chủ trì và phối hợp với Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật rà soát, đánh giá và đề nghị Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật ra quyết định hủy bỏ tiến bộ kỹ thuật không đáp ứng điều kiện tiến bộ kỹ thuật.

2. Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật theo lĩnh vực được phân công quản lý có nhiệm vụ:

a) Tiếp nhận hồ sơ và tổ chức xem xét công nhận tiến bộ kỹ thuật;

b) Ban hành Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật;

c) Phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tiến bộ kỹ thuật;

d) Kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong hoạt động công nhận tiến bộ kỹ thuật;

đ) Tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm và theo yêu cầu đột xuất của Lãnh đạo Bộ về hoạt động công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Đầu mối quản lý các hoạt động công nhận tiến bộ kỹ thuật triển khai tại địa phương.

2. Tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm và theo yêu cầu đột xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả áp dụng tiến bộ kỹ thuật trên địa bàn.

Điều 15. Hiệu lực và điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 5 năm 2015.


2. Thông tư này thay thế Quyết định số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11 tháng 8 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- Sở NN &PTNT các tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng TT điện tử: Chính phủ, Bộ NN&PTNT;
- Các đơn vị thuộc Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, KHCN (100 bản).

KT. BỘ TRƯỞNG
PHỤ TRƯỞNG



Lê Quốc Doanh



Phụ lục

BIỂU MẪU CÔNG NHẬN TIẾN BỘ KỸ THUẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13 /2015/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- Mẫu 1. Đơn đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật
- Mẫu 2. Báo cáo kết quả thực hiện tiến bộ kỹ thuật
- Mẫu 3a. Nhận xét ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất
- Mẫu 3b. Biên bản thẩm định và đánh giá hiện trường áp dụng tiến bộ kỹ thuật
- Mẫu 4. Phiếu kiểm tra hồ sơ đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật
- Mẫu 5a. Phiếu đánh giá tiến bộ kỹ thuật (Áp dụng đối với tiến bộ kỹ thuật tạo ra công nghệ, giải pháp mới)
- Mẫu 5b. Phiếu đánh giá tiến bộ kỹ thuật (Áp dụng đối với tiến bộ kỹ thuật tạo ra công nghệ, sản phẩm nhằm cạnh tranh hoặc thay thế sản phẩm tương tự đã có)
- Mẫu 6. Tổng hợp phiếu đánh giá công nhận tiến bộ kỹ thuật
- Mẫu 7a. Biên bản họp Hội đồng công nhận tiến bộ kỹ thuật
- Mẫu 7b. Biên bản họp Tổ chuyên gia công nhận tiến bộ kỹ thuật
- Mẫu 8. Đơn đề nghị gia hạn hiệu lực tiến bộ kỹ thuật

nguyên

Mẫu 1 – Đơn đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật

**Tên tổ chức đề nghị công nhận
tiến bộ kỹ thuật**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 201...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TIẾN BỘ KỸ THUẬT

Kính gửi:

Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:

1. Địa chỉ:

2. Điện thoại:; Fax:; E-mail:

2. Tên tiến bộ kỹ thuật đề nghị công nhận:

3. Căn cứ công nhận tiến bộ kỹ thuật:

4. Tóm tắt nội dung, kết quả, quy trình kỹ thuật, công nghệ, điều kiện áp dụng, hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường khi áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất:


5. Đề xuất địa bàn áp dụng:

Đề nghị công nhận

là tiến bộ kỹ thuật./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên (và đóng dấu))



Mẫu 2 – Báo cáo kết quả thực hiện tiến bộ kỹ thuật

Tên tổ chức đề nghị công nhận **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 201...

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIẾN BỘ KỸ THUẬT

1. Tên tiến bộ kỹ thuật đề nghị công nhận:
2. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:
Địa chỉ:
Điện thoại:; Fax:; E-mail:
Tác giả tiến bộ kỹ thuật:
3. Nguồn gốc của tiến bộ kỹ thuật:
 - Sản phẩm hoặc một phần sản phẩm tạo ra từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được đánh giá, nghiệm thu từ mức đạt trở lên
 - Giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp ứng dụng
4. Phương pháp nghiên cứu, khảo nghiệm, thử nghiệm:
5. Tóm tắt nội dung, kết quả, điều kiện, quy trình chuyển giao của tiến bộ kỹ thuật
 - Nội dung của tiến bộ kỹ thuật:
 - Các kết quả từ nghiên cứu đến sản xuất thử nghiệm (nếu có); phân tích hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường khi áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất...).
 - Địa điểm, thời gian và quy mô đã áp dụng; tổng hợp ý kiến nhận xét của các tổ chức, cá nhân áp dụng tiến bộ kỹ thuật; nhận xét của các địa phương;
 - Quy trình áp dụng tiến bộ kỹ thuật:
 - Điều kiện áp dụng:
6. Kết luận và đề nghị:

Phần phụ lục

Biên bản họp Hội đồng KH-CN cơ sở.

Các tài liệu khác (nếu có).

Người lập báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan chủ trì

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu 3a – Nhận xét ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 201

NHẬN XÉT ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT TRONG SẢN XUẤT

I. Thông tin chung:

1. Tên tiến bộ kỹ thuật:
2. Tên tổ chức, cá nhân triển khai ứng dụng:
3. Địa điểm ứng dụng:
4. Người nhận xét (*Ghi rõ họ tên, đơn vị, học vị và học hàm*):

II. Nội dung nhận xét:

1. Nội dung ứng dụng:
2. Nhận xét kết quả đạt được khi ứng dụng tiến bộ kỹ thuật:
 - a) Về tính mới, tính sáng tạo, tính ổn định và cạnh tranh cao:
 - b) Về chứng nhận chất lượng, giảm thiểu tác động đến môi trường, khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên:
 - c) Về triển vọng mở rộng sản xuất, góp phần ổn định an sinh xã hội:
- d) Tiết kiệm chi phí sản xuất:
- đ) Đánh giá về năng suất:
3. Đánh giá chung (ưu điểm, tồn tại) về tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất:

III. Kết luận và đề nghị

(có đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật hay không?)

Người nhận xét

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổ chức xác nhận

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Nếu chủ thể xác nhận tiến bộ kỹ thuật là cá nhân, yêu cầu phải có xác nhận (ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) của cấp có thẩm quyền tại địa phương.

Mẫu 3b – Biên bản thẩm định và đánh giá hiện trường áp dụng tiến bộ kỹ thuật

Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN CÔNG NHẬN
TIẾN BỘ KỸ THUẬT

....., ngày tháng năm 201

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRƯỜNG
ÁP DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT

I. Những thông tin chung

1. Tên tiến bộ kỹ thuật đề nghị công nhận:
2. Tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật:
3. Quyết định thành lập Hội đồng khoa học công nghệ (số, ngày tháng, cơ quan thành lập)
4. Tên tổ chức, cá nhân áp dụng tiến bộ kỹ thuật:
5. Khách mời tham dự Tổ thẩm định và đánh giá:
6. Địa điểm, thời gian thẩm định và đánh giá:

II. Nội dung phiên họp thẩm định, đánh giá

1. Đại diện tổ chức, cá nhân báo cáo kết quả áp dụng tiến bộ kỹ thuật.
2. Ý kiến của các thành viên và khách mời.
3. Tổ thẩm định đánh giá các nội dung chính (Ghi rõ các nội dung cần đánh giá, so sánh thực tế với Báo cáo):
4. Kết luận và kiến nghị của Tổ thẩm định và đánh giá:
5. Biên bản đánh giá kết thúc vào giờ, ngày tháng năm

Thư ký
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Trưởng đoàn thẩm định và đánh giá
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu 4 – Phiếu kiểm tra hồ sơ đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật

Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỘI ĐỒNG TƯ VẤN (TỔ CHUYÊN
GIA; HỘI ĐỒNG CƠ SỞ)**

....., ngày tháng năm 201

**PHIẾU KIỂM TRA HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN TIẾN BỘ KỸ THUẬT**

1. Tên tiến bộ kỹ thuật đăng ký công nhận:

2. Tác giả (hoặc nhóm tác giả):

3. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận:

4. Về Hồ sơ, thủ tục đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật

- Hồ sơ gồm:

.....
.....
.....
.....
.....

- Kết luận:

a) Hồ sơ đầy đủ theo quy định, đúng thủ tục.

b) Hồ sơ không đầy đủ theo quy định và không đúng thủ tục.

5. Thời gian kiểm tra hồ sơ (ghi rõ ngày, tháng, địa điểm)

Chuyên viên kiểm tra Hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

Mẫu 5a – Phiếu đánh giá tiến bộ kỹ thuật

Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN (TỔ CHUYÊN
GIÁ; HỘI ĐỒNG CƠ SỞ)

....., ngày tháng năm 201

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIẾN BỘ KỸ THUẬT

(Áp dụng đối với tiến bộ kỹ thuật tạo ra công nghệ, giải pháp mới)

I. Thông tin chung

1. Tên tiến bộ kỹ thuật mới đăng ký công nhận:
2. Tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật:
3. Họ và tên người đánh giá (chức vụ, học hàm, học vị):

II. Nội dung đánh giá

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1.	Giá trị khoa học	45	
1.1	Tiến bộ kỹ thuật có tính mới	10	
1.2	Tính sáng tạo	15	
1.3	Tính ổn định và cạnh tranh cao	20	
2.	Giá trị ứng dụng của TBKT	55	
2.1	Chứng nhận chất lượng sản phẩm đạt yêu cầu	5	
2.2	Giảm thiểu tác động đến môi trường theo quy định hiện hành	5	
2.3	Khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên	10	
2.4	Dễ áp dụng, có triển vọng mở rộng sản xuất	15	
2.5	Hiệu quả kinh tế	20	
	Tổng số điểm	100	

Ghi chú: + Dưới **60 điểm**: Xếp loại Không đạt; Từ **60- 74 điểm**: Xếp loại Đạt; Từ **75- 90 điểm**: Xếp loại Khá; Trên **90 điểm**: Xếp loại Xuất sắc.

+ Điểm đánh giá (số nguyên) từng tiêu chí không được thấp hơn 50% điểm tối đa.

- Kết luận và đề nghị:

Người đánh giá

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu 5b – Phiếu đánh giá tiến bộ kỹ thuật

Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN (TỔ CHUYÊN
GIA; HỘI ĐỒNG CƠ SỞ)

....., ngày tháng năm 201

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIẾN BỘ KỸ THUẬT

(Áp dụng đối với tiến bộ kỹ thuật tạo ra công nghệ, sản phẩm nhằm cạnh tranh hoặc thay thế sản phẩm tương tự đã có được công nhận trong thời gian gần nhất)

I. Thông tin chung

1. Tên tiến bộ kỹ thuật mới đăng ký công nhận:
2. Tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật:
3. Họ và tên người đánh giá (chức vụ, học hàm, học vị):

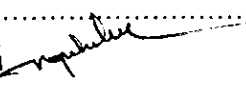
II. Nội dung đánh giá

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
2.	Giá trị khoa học	30	
1.1	Tiến bộ kỹ thuật có tính mới	5	
1.2	Tính sáng tạo	10	
1.3	Tính ổn định và cạnh tranh cao	15	
2.	Giá trị ứng dụng của TBKT	70	
2.1	Chứng nhận chất lượng sản phẩm đạt yêu cầu	5	
2.2	Giảm thiểu tác động đến môi trường theo quy định hiện hành	5	
2.3	Khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên	10	
2.4	Dễ áp dụng, có triển vọng mở rộng sản xuất	10	
2.5	Tiết kiệm tối thiểu 5% chi phí sản xuất	20	
2.6	Năng suất vượt trên 10%.	20	
	Tổng số điểm	100	

Ghi chú: + Dưới 60 điểm: Xếp loại Không đạt; Từ 60- 74 điểm: Xếp loại Đạt; Từ 75- 90 điểm: Xếp loại Khá; Trên 90 điểm: Xếp loại Xuất sắc.

+ Điểm đánh giá (số nguyên) từng tiêu chí không được thấp hơn 50% điểm tối đa.

- Kết luận và đề nghị:

Người đánh giá 
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu 6 – Tổng hợp phiếu đánh giá công nhận tiến bộ kỹ thuật

Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN (TỔ CHUYÊN GIA; HỘI ĐỒNG CƠ SỞ)

....., ngày tháng năm 20

TỔNG HỢP PHIẾU ĐÁNH GIÁ CÔNG NHẬN TIẾN BỘ KỸ THUẬT

1. Tên tiến bộ kỹ thuật:
2. Tên tổ chức đăng ký tiến bộ kỹ thuật:
3. Họ và tên cá nhân đăng ký tiến bộ kỹ thuật:

Họ và tên	Họ tên các thành viên Hội đồng và điểm đánh giá tương ứng (ghi theo thứ tự trong Quyết định thành lập Hội đồng)							Tổng số điểm TB của các thành viên HD
Điểm giá trị khoa học								
Điểm giá trị ứng dụng								
Tổng								

Các Thành viên Ban kiểm phiếu

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Trưởng Ban kiểm phiếu

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu 7a – Biên bản họp Hội đồng công nhận tiến bộ kỹ thuật

Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN CÔNG NHẬN
TIẾN BỘ KỸ THUẬT

....., ngày tháng năm 201

BIÊN BẢN

HỌP HỘI ĐỒNG CÔNG NHẬN TIẾN BỘ KỸ THUẬT

I. Những thông tin chung

1. Tên tiến bộ kỹ thuật:
2. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận:
3. Quyết định thành lập Hội đồng (số, ngày tháng, cơ quan thành lập):...

.....
4. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên Hội đồng (Đối với cuộc họp đánh giá chính thức):

Số thành viên vắng mặt: người, gồm:

-
5. Khách mời tham dự Hội đồng:
6. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

II. Nội dung phiên họp của Hội đồng

1. Đại diện tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật
2. Báo cáo đánh giá của Tổ thẩm định... (nếu có).
3. Ý kiến phát biểu của các thành viên Hội đồng và khách mời.
4. Hội đồng thảo luận độc lập
5. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

Trưởng ban:

Ủy viên 1:; Ủy viên 2:

6. Kết quả bỏ phiếu đánh giá công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Công nhận: phiếu; Không công nhận: phiếu

III. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng:

Phiên họp kết thúc vào hồi giờ, ngày tháng năm

Thư ký Hội đồng
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Kèm theo phụ lục ý kiến của thành viên Hội đồng do thư ký ghi chép tại phiên họp)

Mẫu 7b – Biên bản họp Tổ chuyên gia công nhận tiến bộ kỹ thuật

Cơ quan công nhận tiến bộ kỹ thuật CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔ CHUYÊN GIA CÔNG NHẬN
TIẾN BỘ KỸ THUẬT

....., ngày tháng năm 201

**BIÊN BẢN
HỌP TỔ CHUYÊN GIA CÔNG NHẬN TIẾN BỘ KỸ THUẬT**

I. Những thông tin chung

1. Tên tiến bộ kỹ thuật:
2. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận:
3. Quyết định thành lập Tổ chuyên gia (số, ngày tháng, cơ quan thành lập):
4. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên Tổ (Đối với cuộc họp đánh giá chính thức):
Số thành viên vắng mặt: người, gồm:
.....
5. Khách mời tham dự :
7. Địa điểm và thời gian họp Tổ:

II. Nội dung phiên họp của Tổ chuyên gia

1. Đại diện tổ chức, cá nhân báo cáo kết quả tiến bộ kỹ thuật đề nghị công nhận.
2. Báo cáo đánh giá của Tổ thẩm định... (nếu có).
3. Ý kiến phát biểu của các thành viên Tổ chuyên gia và khách mời.
4. Tổ chuyên gia thảo luận độc lập
5. Kết quả bỏ phiếu đánh giá công nhận tiến bộ kỹ thuật.
Công nhận: phiếu; Không công nhận: phiếu

III. Kết luận và kiến nghị của Tổ chuyên gia:

Phiên họp kết thúc vào hồi giờ, ngày tháng năm

Thư ký Tổ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Tổ trưởng Tổ chuyên gia
(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Kèm theo phụ lục ý kiến của thành viên Tổ chuyên gia do thư ký ghi chép tại phiên họp)

Mẫu 8 – Đơn đề nghị gia hạn hiệu lực tiến bộ kỹ thuật

**Tên tổ chức đề nghị gia hạn
hiệu lực tiến bộ kỹ thuật**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 201...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN HIỆU LỰC TIẾN BỘ KỸ THUẬT

Kính gửi:

3. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:

4. Địa chỉ:

5. Điện thoại:; Fax:; E-mail:

2. Tên tiến bộ kỹ thuật đề nghị gia hạn:

3. Nguồn gốc, tác giả của tiến bộ kỹ thuật:

4. Tóm tắt nội dung, kết quả của tiến bộ kỹ thuật đã được áp dụng trong thời hạn hiệu lực của Quyết định. (Hiệu quả kinh tế, xã hội, tác động môi trường).

6. Đề xuất địa bàn áp dụng (nếu thay đổi):

Đề nghị gia hạn hiệu lực của Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật số:
... ngày tháng năm của

Tổ chức, cá nhân đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên (và đóng dấu))